

Phụ lục I

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY**

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	1,99
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	70,0
	<i>Trong đó:</i>		
	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	28,6

Phụ lục II
PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

DVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025									Ghi chú
		Tỉnh giao			Địa phương giao						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Phân bổ đợt này		Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)			
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		
	Tổng số	46.514,0	42.824,0	3.690,0	46.514,0	18.642,5	14.952,5	3.690,0	27.871,5	27.871,5	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025										
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	40.246,0	40.246,0		40.246,0	14.952,5	14.952,5		25.293,5	25.293,5	Chi tiết tại Phụ lục IV
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	6.268,0	2.578,0	3.690,0	6.268,0	3.690,0		3.690,0	2.578,0	2.578,0	Chi tiết tại Phụ lục V

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA											Ghi chú	
		Tổng 03 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025			
		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp
1	Toàn huyện	46.514	42.824	3.690	6.268	2.578	3.690				40.246	40.246		Chi tiết tại Phụ lục IV, V, VI

Phụ lục V

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY**

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025																								Ghi chú							
		Tổng cộng	Vốn ĐTPT			Chi tiết dự án thành phần																		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN	Chi tiết tiêu dự án					
			Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	Dự án 1			Dự án 2			Dự án 4 (TDA 1)			Dự án 5			Dự án 10															
						Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Chi tiết tiêu dự án			Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN					Chi tiết tiêu dự án					
																		TDA 1										TDA 1	TDA 2		TDA 3		
Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Tổng cộng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn SN	Vốn SN													
1	Toàn huyện	40.246,0	40.246,0	14.952,5	25.293,5	2.512,0	2.512,0		9.863,0	9.863,0		26.680,0	26.680,0		800,0	800,0		800,0	800,0		391,0	391,0			391,0	391,0			Chi tiết tại Phụ lục V.1				

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025

- 1 Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- 2 Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
- 3 Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc
 - *Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*
- 4 Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
 - *Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS*
 - *Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*
 - *Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.*
 - *Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho công đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.*
- 5 Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình
 - *Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện*
 - *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*
 - *Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.*

(*): Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục V.1

PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025			Ghi chú	
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Nguyên vốn huy động khác	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này		Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)
TỔNG SỐ							39.813	35.939	484	40.246,0	14.952,5	25.293,5	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt												
I.1	Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất												
1	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	Hỗ trợ đất sản xuất cho 22 hộ	2025					486,2	486,2		
2	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	Hỗ trợ đất sản xuất cho 03 hộ	2025					66,3	66,3		
3	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	Hỗ trợ đất sản xuất cho 43 hộ	2025					950,3	950,3		
4	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	Hỗ trợ đất sản xuất cho 10 hộ	2025					221,0	221,0		
5	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	Hỗ trợ đất sản xuất cho 02 hộ	2025					44,2	44,2		
I.2	Nội dung số 5: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung												
1	Xây dựng giếng khoan, hệ thống cấp nước và hạng mục phụ trợ làng Rắc, làng O, xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	Xây dựng 02 giếng khoan, đài nước 20m ³ và các hạng mục phụ trợ khác	2024-2025	585/QĐ-UBND 18/03/2024	3.356,7	3.000,0	356,7	744,0	744,0		DA chuyển tiếp; Năm 2024 đã bố trí 2.256 triệu đồng
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết												
1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ thôn Dăk Wót, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy	BQLDA ĐTXD	Xã Hơ Moong	Hỗ trợ cho khoảng 350 hộ/ 1.670 khẩu (trong đó ổn định tập trung cho 40 hộ, 175 khẩu và ổn định tại chỗ cho 310 hộ, 1495 khẩu)	2022-2025	1900/QĐ-UBND 11/11/2022	30.708,0	27.317,0		6.563,0	6.563,0		DA chuyển tiếp; Năm 2022, 2023, 2024 đã bố trí 20.754 triệu đồng
2	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Làng KĐin, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	BQLDA ĐTXD	Xã Mô Rai	Xây dựng mới 20 nhà ở 01 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2024-2025	581/QĐ-UBND 15/03/2024	5.500,0	4.800,0	700,0	3.300,0	3.300,0		DA chuyển tiếp; Năm 2024 đã bố trí 1.500 triệu đồng
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc												
III.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi												
(1)	Xã Mô Rai												
1	Đường nội thôn Ia Tri: Đoạn từ Km00+620 đến ngã 3 đội 9	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	L=480,6m, nền đường Bn=5m, Bm=3m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2024-2025	23/QĐ-UBND 14/03/2024	631,5	600,0	31,5	287,0	287,0		DA chuyển tiếp; Năm 2024 đã bố trí 313 triệu đồng
2	Nâng cấp mương thoát nước, cống ngang đường nội thôn Làng Rê	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2025								
3	Bê tông hóa Kênh mương nội đồng làng Tang	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2025								
4	Đường nội thôn Ia Tri (Đoạn từ kho mù Đội 3 đi cầu treo)	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2025								
5	Đường nội thôn Ia Tri (Đoạn từ nhà Dưng Thủy đến trụ sở đội 9 Công ty TNHH MTV 78)	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai		2025								
6	Đường đi khu sản xuất làng Xốp (Đoạn từ Km00+460 đến cầu treo làng Xốp)	BQLDA ĐTXD	Xã Mô Rai		2025								
(2)	Xã Rờ Koi												
1	Đường đi khu sản xuất thôn Khok Klong từ cầu treo đến rẫy ông A Nhul, A Dit	BQLDA ĐTXD	Xã Rờ Koi	L=508,75m, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2024-2025	576/QĐ-UBND 15/03/2024	1.436,1	1.318,7	117,4	523,5	523,5		DA chuyển tiếp; Năm 2024 đã bố trí 782 triệu đồng
2	Đường và hệ thống thoát nước thuộc đường từ cầu treo Gia Xiêng đi khu sản xuất (Km1+100 đến K2+100)	BQLDA ĐTXD	Xã Rờ Koi		2025								
3	Đường nội thôn Khok Klong đoạn từ nhà A Nui đến nhà A Nghĩa	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2025								

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025			Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Nguồn vốn huy động khác	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
4	Đường nội thôn Kram đoạn từ nhà A Piên đến nhà A Bat	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2025								
5	Đường nội thôn Gia Xiêng đoạn từ nhà Y Khoi đến đường bê tông đi khu sản xuất	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2025								
6	Đường đi khu sản xuất thôn Gia Xiêng đoạn từ rẫy ông A Pờ đến rẫy bà Y Dit	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi		2025								
(3)	Xã Sa Bình									2.247,0		2.247,0	
1	Đường đi khu sản xuất dốc Dò - thôn Bình Loong	BQLDA ĐTXD	Xã Sa Bình		2025								
2	Đường đi khu sản xuất thôn Lung Leng (đoạn nhà ông A Der đi rẫy ông A Hrupt)	BQLDA ĐTXD	Xã Sa Bình		2025								
(4)	Xã Ya Ly									1.685,5		1.685,5	
1	Đường đi khu sản xuất Ya Mên (giai đoạn 1)	BQLDA ĐTXD	Xã Ya Ly		2025								
2	Đường đi khu sản xuất làng Chò (đoạn từ rẫy ông Trương Văn Thế đến ông Nguyễn Văn Diên), giai đoạn 1	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly		2025								
(5)	Xã Ya Xiêr									3.924,0		3.924,0	
1	Trường Mầm non Ya Xiêr. Hạng mục: Nhà hiệu bộ, 02 phòng học chức năng và hạng mục phụ trợ	BQLDA ĐTXD	Xã Ya Xiêr		2025								
2	Xây mới Hội trường sinh hoạt văn hóa thôn Thanh Xuân	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr		2025								
(6)	Xã Ya Tâng									3.924,0		3.924,0	
1	Đường đi khu sản xuất 636 (Đoạn từ rẫy ông A Man đến rẫy ông A Đê)	BQLDA ĐTXD	Xã Ya Tâng		2025								
2	Đường đi khu sản xuất Ya Dát (Đoạn từ rẫy ông Phạm Văn Cường đến rẫy ông A Phái)	BQLDA ĐTXD	Xã Ya Tâng		2025								
3	Đường đoạn từ rẫy Y Phi đến rẫy Lò Văn Huấn (Ya Đor)	UBND xã Ya Tâng	Xã Ya Tâng		2025								
(7)	Xã Hơ Moong						2.363,4	2.168,6	194,8	4.012,0	967,0	3.045,0	
1	Đường đi khu sản xuất nối tiếp rẫy ông Thân đến khu 8 bộ thôn Đăk Wok Yóp, thôn Tân Sang	BQLDA ĐTXD	Xã Hơ Moong	L=744,77m, nền đường Bn=5m, Bm=3,5m, mặt đường BTXM và hệ thống thoát nước	2024-2025	577/QĐ-UBND 15/03/2024	2.363,4	2.168,6	194,8	967,0	967,0		DA chuyển tiếp; Năm 2024 đã bố trí 1.181,5 triệu đồng
2	Đường đi khu sản xuất (đoạn từ nhà A Nhen đến rẫy ông Báo), thôn Đăk Yo	BQLDA ĐTXD	Xã Hơ Moong		2025								
3	Đường nội thôn (đoạn từ nhà ông Rơ Mah Ben đến nhà ông A Hvuong), thôn K'Bay	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2025								
4	Đường nội thôn (đoạn từ nhà ông A Ly đến nhà ông A Hiếu), thôn K'Bay	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2025								
5	Đường nội thôn (đoạn từ nhà ông A Đừ đến nhà ông A Vi), thôn K'Bay	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong		2025								
(8)	Thị trấn Sa Thầy									1.685,5		1.685,5	
1	Đường nội làng Chốt (đoạn từ A Ram đến nhà A Blim)	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2025								
2	Sửa chữa, nâng cấp Diêm trường làng Chốt	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2025								
3	Đường đi khu sản xuất làng Kleng (đoạn từ rẫy A lu đến rẫy A Byom)	UBND thị trấn Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy		2025								
(9)	Xã Sa Nghĩa									569,0		569,0	
1	Đường đi khu sản xuất (từ nhà ông Đào Hữu Đoàn đến nhà ông Đặng Văn Vũ)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2025								
2	Đường đi khu sản xuất (từ đoạn bê tông nội thôn đến rẫy bà Đới Thị Bảy)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2025								
3	Đường đi khu sản xuất (từ rẫy ông Nguyễn Thanh Hồng đến rẫy bà Võ Thị Hoa)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2025								
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						1.661,0	1.534,2	126,8	800,0	800,0		
IV.1	Tiểu dự án 1: Đốt mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số						1.661,0	1.534,2	126,8	800,0	800,0		
1	Trường THCS xã Rờ Koi (Diêm trường trung tâm). Hạng mục: 02 phòng học chức năng và hạng mục phụ trợ	BQLDA ĐTXD	Xã Rờ Koi	Xây mới 02 phòng chức năng 01 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2024-2025	583/QĐ-UBND 15/03/2024	1.661,0	1.534,2	126,8	800,0	800,0		DA chuyển tiếp; Năm 2024 đã bố trí 730,606 triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2025			Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Nguồn vốn huy động khác	Tổng cộng	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình									391,0		391,0	
V.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi									391,0		391,0	
1	Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Phòng Văn hóa và Thông tin	Xã Ya Tấng, Xã Ya Xiêr		2025					391,0		391,0	

Ghi chú: (*) Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục VI

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY**

DVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	TỔNG VỐN	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025											Ghi chú	
			Vốn ĐTPT			Vốn sự nghiệp	Trong đó								
			Tổng cộng	Trong đó			Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng Nông thôn mới	Kinh phí quản lý Chương trình		Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; Thực hiện các mô hình thôn/làng, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu; Duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình sau đầu tư và thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định hiện hành
				Phân bổ đợt này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)										
1	Toàn huyện	6.268	2.578		2.578	3.690	305	300	250	50	2.000	40	95	650	Chi tiết tại Phụ lục V.1, V.2

Phụ lục VI.1

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THÀ**

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW năm 2025			Ghi chú
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Nguồn vốn huy động khác	Tổng cộng	Giao kỳ này	Giao sau khi đủ điều kiện (*)	
	TỔNG SỐ									2.578,0		2.578,0	
I	Xã Sa Nghĩa									620,8		620,8	
1	Đường đi khu sản xuất thôn Nghĩa Dũng (Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Phương đến cánh đồng thôn Nghĩa Dũng)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2025								
2	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng Dốc thờ thôn Hòa Bình	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2025								
3	Đường sản xuất thôn Nghĩa Dũng (Đoạn từ Tỉnh lộ 675 đến nhà ông Phạm Việt Khang)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2025								
4	Đường ngõ xóm thôn Hòa Bình (Đoạn từ nhà ông Chung đến nhà ông Đưọc)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2025								
5	Đường sản xuất thôn Nghĩa Dũng (Đoạn từ rẫy bà Thủy đến rẫy Ông Nguyễn Văn Tuấn)	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa		2025								
II	Xã Sa Sơn									645,0		645,0	
1	Đường đi khu sản xuất thôn 2 (Đoạn đường đi khu sản xuất dốc B20 (khu vực rẫy ông Đỗ Thái Học)	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn		2025								
III	Xã Sa Nhon									667,2		667,2	
1	Đường nội thôn Nhon Bình (Đoạn từ nhà ông Mai Văn Minh đến Tỉnh lộ 675)	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon		2025								
2	Đường nội thôn Nhon Bình (Đoạn từ đường liên thôn đến nhà ông Đông Văn Long)	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon		2025								
3	Đường đi khu sản xuất thôn Nhon Nghĩa (khu vực đồi kẽm gai)	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon		2025								
IV	Xã Sa Bình									645,0		645,0	
1	Đường đi khu sản xuất thôn Bình Đông (Đoạn từ rẫy ông Lập đến rẫy ông Sinh)	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2025								
2	Đường sản xuất thôn Bình Trung (đoạn nhà ông Thông đi rẫy nhà bà Hạnh)	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình		2025								

Ghi chú: (*) Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.

Phụ lục VI.2

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY**

DVT: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Vốn sự nghiệp Trung ương năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
	TỔNG SỐ				3.690,0	3.690,0		
1	Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	Phòng NN&PTNT	Huyện Sa Thầy	2025	305,0	305,0		
2	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP)	Phòng NN&PTNT	Huyện Sa Thầy	2025	300,0	300,0		
3	Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Phòng Văn hóa - Thông tin	Huyện Sa Thầy	2025	250,0	250,0		
4	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cà nước thi đua xây dựng nông thôn mới”	Phòng NN&PTNT	Huyện Sa Thầy	2025	50,0	50,0		
5	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới				2.000,0	2.000,0		
a)	Mô hình Thu gom, xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt nông thôn trên địa bàn các xã của huyện Sa Thầy	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Huyện Sa Thầy	2025	1.500,0	1.500,0		
b)	Cấp xã				500,0	500,0		
-	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2025	50,0	50,0		
-	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2025	50,0	50,0		
-	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2025	50,0	50,0		
-	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2025	50,0	50,0		
-	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2025	50,0	50,0		
-	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2025	50,0	50,0		
-	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2025	50,0	50,0		
-	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2025	50,0	50,0		
-	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2025	50,0	50,0		
-	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2025	50,0	50,0		
6	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng Nông thôn mới				40,0	40,0		
-	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2025	4,0	4,0		
-	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2025	4,0	4,0		
-	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2025	4,0	4,0		
-	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2025	4,0	4,0		
-	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2025	4,0	4,0		
-	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2025	4,0	4,0		
-	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2025	4,0	4,0		
-	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2025	4,0	4,0		
-	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2025	4,0	4,0		
-	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2025	4,0	4,0		
7	Kinh phí quản lý Chương trình				95,0	95,0		
a)	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện	Phòng NN&PTNT			15,0	15,0		
b)	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp xã				80,0	80,0		
-	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2025	8,0	8,0		
-	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2025	8,0	8,0		
-	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2025	8,0	8,0		
-	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2025	8,0	8,0		
-	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2025	8,0	8,0		
-	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2025	8,0	8,0		
-	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2025	8,0	8,0		
-	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2025	8,0	8,0		
-	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2025	8,0	8,0		
-	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2025	8,0	8,0		
8	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; Thực hiện các mô hình thôn/làng, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu; Duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình sau đầu tư và thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định hiện hành				650,0	650,0		
-	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2025	65,0	65,0		
-	Xã Sa Nhon	UBND xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2025	65,0	65,0		

TT	Chi tiêu	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Vốn sự nghiệp Trung ương năm 2025			Ghi chú
					Tổng số	Phân bổ kỳ này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
-	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2025	65,0	65,0		
-	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2025	65,0	65,0		
-	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	Xã Ya Xiêr	2025	65,0	65,0		
-	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	Xã Ya Tăng	2025	65,0	65,0		
-	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2025	65,0	65,0		
-	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	2025	65,0	65,0		
-	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2025	65,0	65,0		
-	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	Xã Mô Rai	2025	65,0	65,0		

Ghi chú: (*): Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết sau khi đảm bảo thủ tục theo quy định.